

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 17/2024/DS-ST

Ngày: 10 – 6 – 2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Chiến.

2. Ông Trần Văn Sơ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19a/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Trúc T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 22, đường P, khu phố 1, phường B, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố Đ, phường M, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Vũ Trúc T trình bày: Vào ngày 30/9/2019 bà có cho bà Nguyễn Thị T2 vay số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), có lập biên nhận ngày 30/9/2019, bà T2 có ký tên vay tiền, hai bên có thỏa thuận lãi suất miệng với nhau nhưng bà không nhớ cụ thể. Sau khi vay tiền thì bà T2 có trả lãi cho bà vài tháng thì không trả nữa và cũng không có trả cho bà khoản tiền vay vốn gốc. Bà không nhớ số tiền bà T2 trả lãi là chính xác

bao nhiêu do không có sổ sách ghi lại. Sau đó bà có yêu cầu bà T2 thanh toán lại tiền vốn và lãi cho bà nhiều lần nhưng bà T2 không thanh toán và hứa hẹn nhưng không thực hiện, sau đó bà T2 tránh mặt bà cho đến nay, bà không tìm gặp và không liên lạc được với bà T2. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T2 trả cho bà số tiền vay vốn gốc 90.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ do các đương sự cung cấp, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Vũ Trúc T, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T2 trả lại cho nguyên đơn bà T số tiền vay vốn gốc là 90.000.000 đồng, ghi nhận ý kiến nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Buộc bị đơn chịu chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn Bà Vũ Trúc T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T2 trả tiền vay. Xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị T2 cư trú tại khu phố Đ, phường M, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Do đó, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[2] Sự có mặt của các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T2 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án: Ngày 30/9/2019, Bà Vũ Trúc T có cho bà Nguyễn Thị T2 vay số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Sau khi vay tiền bà T2 có trả tiền lãi nhưng không đầy đủ và không thanh toán tiền gốc cho bà T nên phát sinh

tranh chấp.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa Bà Vũ Trúc T và bà Nguyễn Thị T2 là sự thỏa thuận của các đương sự, các bên có lập giấy mượn tiền viết tay ngày 30/9/2019, có chữ ký của bà Nguyễn Thị T2, phù hợp với quy định tại 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trong hợp đồng không thỏa thuận lãi suất và cũng không thỏa thuận thời hạn thanh toán nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tiền không kì hạn theo Điều 469 của Bộ luật dân sự. Sau khi vay tiền, bà T2 không thực hiện thanh toán tiền lãi đầy đủ và cũng không thanh toán tiền gốc cho bà T. Bà T có nhiều lần yêu cầu bà T2 thanh toán nhưng đến nay bà T2 không thanh toán tiền gốc cho bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy giấy mượn tiền ngày 30/9/2019 do Bà Vũ Trúc T cung cấp có mực mực màu đen và bà T khẳng định là giấy mượn tiền được viết bằng mực nước màu đen không phải là bản phô tô, đồng thời có yêu cầu trưng cầu giám định nên Tòa án tiến hành trưng cầu giám định đối với giấy mượn tiền ngày 30/9/2019. Tại Kết luận số 218/KL-KTHS ngày 08/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang kết luận *“Chữ viết và chữ ký mực màu đen trên mẫu cần giám định ký hiệu A là trực tiếp viết ra từ cây viết có mực màu đen”*. Đồng thời tại giấy mượn tiền ngày 30/9/2019 cũng có ghi *“Tôi là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978, CMND: 370950292; địa chỉ: Ấp Đ – M – HT – KG. Tôi có vay của Vũ Trúc Tâm...số tiền 90.000.000 đồng (số tiền bằng chữ: Chín mươi triệu đồng...)”*. Giấy mượn tiền có ghi đầy đủ thông tin người vay tiền như họ tên, năm sinh, số chứng minh nhân dân, địa chỉ là hoàn toàn phù hợp với thông tin của bà Nguyễn Thị T2 mà Tòa án đã xác minh, thu thập được. Ngoài ra, do bà T2 không có mặt tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp nên khi Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho bà T2, đã thực hiện thủ tục niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời cũng đã tổng đạt văn bản tố tụng cho người nhận thay là con ruột của bà T2, người nhận thay cam kết giao lại cho bà T2. Như vậy bà T2 đã được Tòa án thông báo về nội dung, yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ mà Tòa án xác minh thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên bà T2 không có ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, căn cứ vào biên nhận ngày 30/9/2019, kết luận số 218/KL-KTHS ngày 08/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang và lời trình bày của nguyên đơn, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần buộc bà Nguyễn Thị T2 thanh toán cho Bà Vũ Trúc T số tiền gốc 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Ghi nhận việc Bà Vũ Trúc T không yêu cầu tính lãi.

[4] Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải chịu chi phí giám định là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

[5] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá

ngạch 5% trên số tiền phải thi hành theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Vũ Trúc T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T2.

Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải thanh toán cho Bà Vũ Trúc T số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), ghi nhận việc Bà Vũ Trúc T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải chịu chi phí giám định là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Bà Vũ Trúc T đã nộp tạm ứng theo biên nhận ngày 16/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang nên bà Nguyễn Thị T2 phải nộp trả lại cho Bà Vũ Trúc T.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho Bà Vũ Trúc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000632 ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Bà Vũ Trúc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà Nguyễn Thị T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp

lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Phương

